

Bản án số: 30/2024/DS-PT  
Ngày 11 – 01 – 2024  
Về việc tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Ngọt

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Minh Đạt

Ông Nguyễn Chí Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3990/2023/QĐPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 4457/2023/QĐPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lý P, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Lê Văn M, sinh năm 1962; (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/02/2023); (Có mặt).

Địa chỉ: Số B, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T thuộc đoàn Luật sư tỉnh B; (Có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số A, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông V*: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số E- 57, Nguyễn Văn G, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Lý Ngô Ngọc T1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà T1*: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số E- 57, Nguyễn Văn G, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V và bà T1*: Luật sư Trần Minh T2 thuộc Công ty L1- Đoàn Luật sư Thành phố H (Luật sư T2 vắng mặt nhưng có gửi bài luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V và bà T1).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Thành V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Ngô Ngọc T1.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### **Theo bản án sơ thẩm.**

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung; bản tự khai; phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lý P là ông Lê Văn M trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết rất lâu và có hỗ trợ lẫn nhau trong việc làm ăn kinh doanh nên vào tháng 7 năm 2020, ông Nguyễn Thành V đã đặt vấn đề yêu cầu ông Lý P hỗ trợ vốn kinh doanh và hứa có lợi nhuận thì sẽ trích tiền hàng tháng cho ông P. Từ tháng 7/2020 đến ngày 05/12/2020, ông P đã chuyển tiền nhiều lần cho ông V với tổng số tiền 8.000.000.000 đồng, ông V đã trả lại cho ông P được 705.000.000 đồng vào tháng 10/2022, số tiền còn nợ lại 7.295.000.000 đồng. Ông P đã nhiều lần yêu cầu ông V trả nợ số tiền còn lại nhưng ông V không thực hiện. Do bà Lý Ngô Ngọc T1 là vợ hợp pháp của ông Nguyễn Thành V vào thời điểm ông V vay tiền của ông P. Vì vậy, ông P khởi kiện yêu cầu ông V và bà T1 liên đới trả số tiền nợ là 7.295.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 02/02/2023 (ngày nộp đơn khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08/9/2023 với mức lãi suất 1%/tháng với số tiền 525.240.000 đồng, tổng cộng 7.820.240.000 đồng. Ông

Lý P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về thời gian tính lãi suất.

*Theo lời trình bày tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thành V trình bày:*

Ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1 kết hôn năm 2014 nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Số tiền ông P khởi kiện yêu cầu ông V trả là số tiền làm ăn giữa ông V và ông P chứ bà T1 không biết gì về số tiền này, bà T1 không liên quan gì đến vụ án này, việc ông V mượn tiền của ông P thì bà T1 không biết và ông V sử dụng tiền vào mục đích riêng, cụ thể số tiền này ông V cho người khác vay lại và sử dụng số tiền lãi chênh lệch (lợi nhuận) để mua nhà đất tại huyện M, tỉnh Bến Tre. Qua yêu cầu khởi kiện của ông P, ông V đồng ý trả cho ông P số tiền 7.295.000.000 đồng và số tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 02/02/2023 đến ngày xét xử là ngày 08/9/2023 với số tiền là 525.240.000 đồng, tổng cộng là 7.820.240.000 đồng.

*Theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Lý Ngô Ngọc T1 trình bày:*

Bà T1 và ông V hiện đã ly hôn, bà không biết việc chuyển tiền giữa ông P và ông V và cũng không có liên quan đến công việc làm ăn của ông V và ông P, bà không đồng ý theo yêu cầu của ông P và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre quyết định:

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 217, 218, 227, 228, 244, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;*

*Áp dụng các Điều 3, 24, 25, 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình;*

*Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý P đối với ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

*Buộc ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1 có trách nhiệm liên đới*

*trả cho ông Lý P số tiền 7.820.240.000 (Bảy tỷ, tám trăm hai mươi triệu, hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.*

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý P đối với ông Nguyễn Thành V, bà Lý Ngô Ngọc T1 về việc yêu cầu trả số tiền nợ vay là 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Ông Lý P có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.*

*Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 12/9/2023, bị đơn ông Nguyễn Thành V kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, với lý do: Ông vay tiền của ông Lý P để thực hiện việc cho vay lại là vì mục đích kinh doanh của cá nhân ông, không liên quan gì đến bà T1; khoản vay của ông Lý P là tài sản riêng thuộc nghĩa vụ riêng của cá nhân ông, bà T1 không có bất kỳ nghĩa vụ liên đới nào đối với khoản vay này. Ông và bà T1 cũng không có thỏa thuận nào về việc nhập số tiền vay này vào tài sản chung, bà T1 hoàn toàn không biết về khoản nợ này. Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định chủ quan, từ đó tuyên một Bản án không đúng bản chất của vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Ông đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 12/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Ngô Ngọc T1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 119/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, với lý do: ông V vay tiền của ông Lý P để thực hiện việc cho vay lại là vì mục đích kinh doanh của cá nhân ông V, không liên quan gì đến bà; khoản vay của ông Lý P là tài sản riêng thuộc nghĩa vụ riêng của ông Nguyễn Thành V, bà không có bất kỳ nghĩa vụ liên đới nào đối với khoản vay này. Bà và ông V cũng không có thỏa thuận nào về việc nhập số tiền vay này vào tài sản chung. Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định chủ quan, từ đó tuyên một Bản án không đúng bản chất của vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Bà đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Ngô Ngọc T1 là bà Nguyễn Thị Thanh L có thay đổi yêu cầu kháng cáo, phía bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà T1 liên đới cùng ông V trả nợ cho ông Lý P. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lý P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông P. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý P trình bày:*

Phía nguyên đơn có chứng cứ chứng minh việc bà T1 phải liên đới cùng ông V trả nợ cho ông P là theo đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2023 của bà Lý Ngô Ngọc T1 là người khởi kiện; người bị kiện là bà Nguyễn Thị Hồng M1 và ông Trần Anh D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành V; đơn này làm sau ngày bà T1 ly hôn với ông V. Nội dung đơn có nêu: “Ngày 16/8/2020 bà M1 có làm biên nhận mượn của ông Nguyễn thành V1 số tiền tổng cộng là 63 tỷ; Ngày 01/4/2021, ông Nguyễn Thành V có lập 02 hợp đồng cho ông D và bà M1 vay số tiền 80 tỷ (một hợp đồng 20 tỷ và một hợp đồng 60 tỷ). Đến ngày 27/9/2022 ông V không có nhà, vợ chồng Hồng M1 và Duy A đến nhà gặp tôi và làm giấy xác nhận nợ chốt lại số tiền nợ tôi và ông V là 135 tỷ”. Như vậy, theo đơn khởi kiện này thể hiện số tiền cho vay 135 tỷ tài sản chung của ông V và bà T1.

Quá trình giải quyết vụ án, ông V có thừa nhận vay tiền của ông P để cho ông Duy A và bà Hồng M1 vay lại, có mua nhà ở huyện M, ngôi nhà này là tài sản chung của ông V và bà T1 thì nợ chung của ông V, bà T1 thì ông V, bà T1 cùng trả cho ông P số tiền theo bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Mặt khác, khi ly hôn thì giữa ông V và bà T1 tự thỏa thuận tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày là trong quá trình chung sống thì ông V và bà T1 không có văn bản thỏa thuận có tài sản riêng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông V, bà T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V và bà T1 trình bày:*

Bà T1 không thừa nhận giao dịch vay tiền của ông Lý P. Ông V thừa nhận nợ của ông Lý P thì đây là nợ riêng của ông V. Nguyên đơn ông Lý P yêu cầu bà T1 liên đới cùng ông V trả nợ cho ông Lý P là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên chấp nhận kháng cáo của ông V, bà T1. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà T1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông V trả nợ cho ông Lý P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 119/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thành V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Ngô Ngọc T1 kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Ông Lý P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1 cùng liên đới trả số tiền vay vốn là 7.295.000.000 đồng mà ông Lý P đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng của ông Nguyễn Thành V để cho ông V vay và số tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 02/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/9/2023 là 525.240.000 đồng; ông V đồng ý trả theo yêu cầu của ông P. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý P, buộc ông V và bà T1 cùng liên đới trả cho ông P số tiền nợ vốn và lãi tổng cộng là 7.820.240.000 đồng. Ông V và bà T1 kháng cáo cho rằng bà T1 không có liên quan gì đến việc ông V vay tiền của ông P nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông V và bà T1 thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, không buộc bà T1 liên đới trả nợ cùng ông V.

[2] Xét kháng cáo của ông V và bà T1, nhận thấy:

[2.1] Ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1 kết hôn với nhau vào năm 2014, đến năm 2023 ông V và bà T1 thuận tình ly hôn (theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre). Xét thấy, vào thời điểm ông Lý P chuyển tiền qua tài khoản cá nhân ông V để cho ông V vay số tiền 7.295.000.000 đồng (từ tháng 7/2020 đến ngày 05/12/2020) thì ông V và bà T1 vẫn là vợ chồng hợp pháp. Tại phiên tòa, ông V cho rằng ông sử dụng số tiền

vay của ông P để cho vay lại và dùng tiền lãi chênh lệch (lợi nhuận) để mua nhà đất tại huyện M, tỉnh Bến Tre. Như vậy, số tiền này hình thành tài sản chung của vợ chồng ông V và bà T1 trong thời kỳ hôn nhân. Xét thấy, tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân và quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng*”.

[2.2] Mặt khác, tại phiên tòa phía nguyên đơn có cung cấp chứng cứ là đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/9/2023 (các đơn này được làm sau ngày bà T1 ly hôn với ông V). Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2023 bà T1 là người khởi kiện; người bị kiện là bà Nguyễn Thị Hồng M1 và ông Trần Anh D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thành V; Nội dung đơn có nêu: “*Ngày 16/8/2020 bà M1 có làm biên nhận mượn của ông Nguyễn Thành V số tiền tổng cộng là 63 tỷ; Ngày 01/4/2021, ông Nguyễn Thành V có lập 02 hợp đồng cho ông D và bà M1 vay số tiền 80 tỷ (một hợp đồng 20 tỷ và một hợp đồng 60 tỷ). Đến ngày 27/9/2022 ông V không có nhà, vợ chồng Hồng M1 và Duy A đến nhà gặp tôi và làm giấy xác nhận nợ chốt lại số tiền nợ tôi và ông V là 135 tỷ, lãi suất 0,8%/tháng, đóng lãi vào ngày 19 hàng tháng, thời gian vay là 60 tháng. Nhưng từ khi làm giấy xác nhận nợ đến nay, vợ chồng Hồng M1 không trả lãi theo thỏa thuận gây cho chúng tôi rất nhiều khó khăn trong công việc làm ăn. Do vợ chồng Hồng M1 đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên tôi yêu cầu vợ chồng ông Trần Duy A1 và bà Nguyễn Thị Hồng M1 có trách nhiệm trả cho tôi số tiền vay là 135.000.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm tỷ) và lãi suất theo thỏa thuận từ ngày 27/9/2022 đến ngày 27/7/2023 là 10 tháng. Cụ thể:  $135.000.000.000đ \times 0,8\%/tháng = 10.800.000.000$  đồng. Tổng số tiền tôi khởi kiện vợ chồng Anh D và Hồng M1 cả vốn cộng lãi là 145.800.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm tỷ tám trăm triệu đồng)*”. Còn đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 21/9/2023 thì bà T1 và ông V cùng đứng tên người khởi kiện. Như vậy, theo các đơn khởi kiện nêu trên thể hiện số tiền cho vay 135 tỷ là tài sản chung của ông V và bà T1.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông V và bà T1 thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng giữa ông V và bà T1 không có văn bản thỏa thuận tài sản riêng của mỗi bên nên việc ông V và bà T1 kháng cáo cho rằng bà T1 không biết và không liên quan đến số nợ của ông P là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông V và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông P số tiền vay vốn 7.295.000.000 đồng và tiền lãi 525.240.000 đồng theo bản án sơ thẩm đã tuyên là

có căn cứ. Ông V và bà T1 kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm nên kháng cáo không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lý P là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1 là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1 không được chấp nhận, nên ông V và bà T1 mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 217, 218, 227, 228, 244, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 3, 24, 25, 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:



1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lý P đối với ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lý P số tiền 7.820.240.000 (Bảy tỷ, tám trăm hai mươi triệu, hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý P đối với ông Nguyễn Thành V, bà Lý Ngô Ngọc T1 về việc yêu cầu trả số tiền nợ vay là 5.000.000 (Năm triệu) đồng. Ông Lý P có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Nguyễn Thành V và bà Lý Ngô Ngọc T1 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 115.820.000 (Một trăm mười lăm triệu, tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

4.2. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông Lý P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.892.000 (Năm mươi chín triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn) đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002528 ngày 03 tháng 02 năm 2023 và biên lai thu số 0007138 ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

5.1. Ông Nguyễn Thành V phải nộp án phí phúc thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007245 ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5.2. Bà Lý Ngô Ngọc T1 phải nộp án phí phúc thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007246 ngày 27 tháng 9

năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Ngọt**